

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 697/2021/HS-PT
Ngày: 18-10-2021**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Bà Chủ Phương Ngọc và bà Vũ Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 551/2021/TLPT-HS ngày 09/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 503/2021/QĐXXPT-HS ngày 19/7/2021 đối với bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1) **NGUYỄN QUỐC K**, sinh năm 1992; *giới tính:* Nam; *ĐKNKTT và trú tại:* Đội 05, thôn VT, xã AĐ, huyện TC, thành phố Hà Nội; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; *ngành nghề:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; có bố là Nguyễn Văn H và mẹ là Nguyễn Thị T; có vợ là Vũ Tố U và 01 con; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; ngày 14/01/2021 bị Công an huyện TC bắt tạm giam về hành vi “Đánh bạc”; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 của Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

2) **NGUYỄN MINH H**, sinh năm 1996; *giới tính:* Nam; *ĐKNKTT và trú tại:* Đội 05, thôn VT, xã AĐ, huyện TC, thành phố Hà Nội; *quốc tịch:* Việt Nam;

dân tộc: Kinh; *tôn giáo:* Không; *nghe nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 08/12; có bố là Nguyễn Văn H và mẹ là Nguyễn Thị T; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; ngày 27/01/2021 bị Công an huyện TC bắt tạm giam về hành vi “Đánh bạc”; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 của Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

3) **NGUYỄN VĂN H**, sinh năm 1965; *giới tính:* Nam; *ĐKNKTT và trú tại:* Đội 05, thôn VT, xã АД, huyện TC, thành phố Hà Nội; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; *nghe nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 10/10; con ông Nguyễn Công Tr và bà Nguyễn Thị H (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; *tiền án, tiền sự:* Chưa; *nhân thân:* Bản án số 175/2013/HS-ST ngày 26/08/2013 của Tòa án nhân dân huyện TC xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng 24 ngày về tội “Đánh bạc”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2017 đến ngày 16/02/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4) **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1974; *giới tính:* Nữ; *ĐKNKTT và trú tại:* Đội 05, thôn VT, xã АД, huyện TC, thành phố Hà Nội; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; *nghe nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 08/10; con ông Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Văn H và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2017 đến ngày 16/02/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại không có kháng cáo:

1) Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1994; *ĐKNKTT và trú tại:* Đội 7, thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện TC, thành phố Hà Nội.

2) Anh Hoàng Công T, sinh năm 1983; *ĐKNKTT và trú tại:* Thôn Thị Tứ, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đỗ Văn Q biết vợ chồng Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T ghi lô đề nên nảy sinh ý định “thổi” số lô đề (*tức là sửa chữa số lô đề không trúng thành các số trúng thưởng*) để chiếm đoạt tiền của vợ chồng H - T. Thực hiện ý định trên, khoảng 17 giờ ngày 06/02/2017, Đỗ Văn Q đến cửa hàng bán tạp hóa tại nhà của gia đình H - T đưa tờ giấy tích kê Q đã ghi sẵn các số lô

đề muốn đánh và số tiền 3.420.000 đồng cho Nguyễn Văn H để mua các số lô đề ghi trong tờ tích kê đó. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, vợ chồng T - H đã so kết quả và thấy trong tờ tích kê do Q đưa chỉ trúng có một cặp lô xiên 2 với giá trị thắng là 1.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, Đỗ Văn Q đến nhà H - T mượn lại tờ giấy tích kê ghi số lô đề trước đó để so kết quả. Lợi dụng lúc Nguyễn Văn H đang bán hàng tạp hóa không để ý, Q đã sửa chữa bộ số lô xiên 4 từ các số không trúng ban đầu là: 56, 57, 68, 79 với số tiền đánh là 500.000 đồng thành bộ số lô xiên 4: 46, 47, 68, 79, trúng thưởng 50.000.000 đồng. Sau khi “thối” số lô xong, Q đưa cho H xem và nói với H là đã trúng lô xiên 4 gồm bộ số: 46, 47, 68, 79 với số tiền trúng thưởng là 50.000.000 đồng. Vợ chồng H - T xem tờ tích kê thấy kết quả Q ghi trên giấy khác với số lô đề đã ghi trong sổ lưu nên đã tranh luận thì Q khẳng định tờ tích kê ghi số lô đề của mình là đúng và yêu cầu trả tiền trúng thưởng nên H đã đưa cho Q 50.000.000 đồng.

Sau đó, các con trai H - T là Nguyễn Minh H và Nguyễn Quốc K thấy nghi ngờ nên đã kiểm tra lại tờ tích kê ghi số lô đề mà Q đánh và cho rằng Q đã “thối số” để lừa bố mẹ mình lấy 50.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Quốc K điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Minh H đi tìm Q. Khi đi đến đoạn công làng VT, xã AĐ, huyện TC thì gặp Q đi xe mô tô chở anh Hoàng Công T đi ngược chiều. Quốc K quay xe đuổi theo, áp sát xe của Q hô: “*Thằng này đứng lại*”; Minh H ngồi sau dùng chân đạp vào xe mô tô do Q điều khiển làm Q và T bị ngã; Q và T bỏ chạy mỗi người một hướng; Minh H hô: “*Cướp! Cướp!*” thì một số người dân đuổi bắt được T. Quốc K và Minh H cũng bỏ xe mô tô đuổi theo khoảng 10m thì bắt được Q rồi dùng chân tay đấm đá liên tục vào người, bắt Q phải trả lại 50.000.000 đồng. Trong lúc đánh Q, Minh H nhặt 01 chiếc ghế nhựa màu xanh ở ven đường (*Giống như ghế ngồi có tựa lưng của hãng bia Việt Hà*) vụt mạnh 01 cái vào vai Q làm ghế vỡ thành nhiều mảnh và tiếp tục cùng Quốc K dùng chân tay đấm đá Q; vừa đánh, Quốc K vừa nói: “*Tiền lúc này mày lừa bố mẹ tao đâu đưa trả lại đây cho tao*”; thì Q nói: “*Em xin các anh, cho em một lúc nữa để em gọi chị ấy mang trả*”. Quốc K nhặt 01 đoạn dây cao su dài khoảng 70cm trói 2 cánh tay Q lại. Lúc này, H nhìn sang chỗ Công T thì thấy T đang bị một số người dân đánh liên hô họ dừng lại không đánh nữa. Sau đó, Minh H gọi điện cho Nguyễn Hồng Quân và Nguyễn Văn Nhất bảo lên công VT

nhờ chút việc. Khi Hồng Quân và Nhất đến nơi thì Quốc K và Minh H bảo với Quân và Nhất: *“Các anh đưa hộ em thằng này về nhà”*. Sau đó, Quân điều khiển xe mô tô của Nhất chở Q ngồi giữa, Nhất ngồi sau về nhà H - T; Minh H bắt anh Hoàng Công T lên xe của H, Quốc K nhặt được 01 chiếc ví cầm theo và điều khiển xe mô tô của Q đi về nhà mình.

Khi về đến nhà vợ chồng H - T, Quân và Nhất đưa Q vào trong nhà rồi ra trước cửa quán đứng khoảng 10 phút thì đi về nhà. Khoảng vài phút sau thì K và H cũng đưa anh Công T về đến nơi; K để chiếc ví vừa nhặt được trên bàn trước mặt anh Công T. Được thông báo, vợ chồng T - H quay về nhà, H quát chửi Q: *“Con chó này, mày làm tao khổ nãy giờ, mày làm tao phải đi vay tiền trả cho mày, bây giờ mày phải trả tao tiền, nếu không trả thì đừng có về”*, đồng thời bảo với K và H canh giữ, không cho Q về. K và H đứng ngoài canh giữ các anh Q và T để cho H và T chửi, đe dọa bắt Q phải trả tiền. T nói với Q: *“Mày lừa lấy tiền của cô, bây giờ mày phải trả ngay thì mới được về, mới nói chuyện tình cảm được”*. Q thừa nhận với T - H về việc mình đã “thối” số lô đề để lấy tiền và đã đưa tiền cho 01 người phụ nữ tên Tâm. T - H yêu cầu Q phải trả tiền, nếu không trả sẽ không cho về nên Q gọi điện cho bố mẹ Q đến nhà T - H. Khoảng 20 phút sau, bố mẹ và anh rể của Q đến nhà H - T. Lúc này, anh Hoàng Công T kêu đau và nằm gục ở bàn thì bà Nguyễn Thị Ta (mẹ Q) đã chở anh T đến Trạm y tế xã AĐ, sau đó quay lại nhà T - H. Tại đây, T nói cho bố mẹ Q biết việc Q lừa tiền của H - T qua việc “thối” số lô và yêu cầu bố mẹ Q trả tiền hoặc viết giấy nhận nợ thay nhưng bố mẹ và anh rể của Q nói không mang theo tiền và không đồng ý trả thay. Sau đó, T đã lấy giấy bút yêu cầu Q viết tường trình về việc lừa đảo tiền thông qua “thối” số lô đề; Q đã viết vào tờ giấy trên với nội dung: *“Vào hồi 5h tôi có vào lừa của chị Nguyễn Thị T 50 triệu đồng tiền mặt, tôi đã giao cho chị tên là Tâm trú tại xã Xuân Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trong đường dây cùng anh Hoàng Công T trú tại xã Xuân Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”*. Đến khoảng 01 giờ 15 phút ngày 07/02/2017, Công an huyện TC đến kiểm tra hành chính và đưa Q, T về trụ sở làm việc. Tờ tích kê ghi các số lô đề mà Q đưa cho H, H đã tiêu hủy nên không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 tờ giấy ghi tường trình do Q viết, 01 quyển vở ôly viết dở và 01 bút bi vỏ trắng mực xanh; Thu giữ của Đỗ Văn Q 01 ví da màu vàng bên trong có 2.020.000 đồng, 01 giấy phép lái xe

hạng B2 và 01 thẻ ATM Vietinbank đều mang tên Hoàng Công T, 01 xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 29-L8-5519; Thu giữ của Nguyễn Thị Toàn (*Tâm*) 63.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone5 màu trắng, 02 điện thoại Iphone6 màu hồng và màu ghi.

Quá trình điều tra, ban đầu Đỗ Văn Q đã khai hành vi lừa đảo của mình như đã nêu trên nhưng sau đó Q thay đổi lời khai như sau: Q không lừa đảo mà là đánh lô đề thật và trúng thưởng số tiền 50.000.000 đồng. Q nhận tiền và đi gặp Hoàng Công T và Nguyễn Thị Toàn (*Tâm*) nói mình vừa trúng lô nên mời đi chơi. Lúc này, Q nhớ ra là mình còn trúng cặp lô xiên 2 bộ số: 87, 88 số tiền 1.000.000 đồng nên rủ Công T đi cùng đến nhà T - H để lấy tiền. Khi Q chở T đi đến đoạn VT - AĐ thì gặp K, H cùng một nhóm nam thanh niên chặn đánh. K và H vừa đánh Q vừa đòi tiền nhưng Q kiểm tra tiền trong người không thấy đâu nên nói là tiền đưa cho người phụ nữ tên Tâm cầm. Sau đó, Q bị K trói đưa về nhà và tại nhà T - H có một số người đe dọa, bắt Q phải thừa nhận đã lừa đảo, “thối” số lô đề trúng thưởng lấy 50.000.000 đồng; do sợ nên Q đã thừa nhận như trên.

Đối tượng Hoàng Công T và Nguyễn Thị Toàn (*Tâm*) đều không thừa nhận đã bàn bạc, cùng với Q thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt 50.000.000 đồng của vợ chồng T - H như Q đã khai. Hoàng Công T khai khi bị đánh gây thương tích và bị bắt giữ, T bị mất 01 chiếc ví trong có hơn 10.000.000 đồng và một số giấy tờ, bị giật mất 01 dây chuyền trị giá 17.000.000 đồng; T yêu cầu xử lý những người đã đánh và lấy tài sản của T theo quy định pháp luật nhưng sau đó không triệu tập được T để đi giám định thương tích. Quá trình điều tra, hiện chưa có căn cứ chứng minh T và Toàn liên quan đến hành vi lừa đảo trên của Q, chưa có căn cứ xác định đối tượng đã đánh, gây thương tích cho T và việc T bị mất số tài sản như nêu trên nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách rút phần tài liệu có liên quan để điều tra xử lý sau.

Cơ quan điều tra đã trả lại: 01 ví da màu vàng, 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM Vietinbank cho Hoàng Công T; trả lại chiếc xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 29-L8-5519 mà Đỗ Văn Q sử dụng cho anh Nguyễn Đăng Chuyên. Đối với 03 chiếc điện thoại Iphone tạm giữ của Đào Thị Toàn, xác định và trả lại cho Đào Thị Toàn 01 điện thoại Iphone5 màu trắng và 01 điện thoại

Iphone6 màu hồng; trả lại 01 điện thoại Iphone6 màu ghi cho Hoàng Công T (Toàn cầm hộ).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TC cũng đã ra quyết định trưng cầu giám định thương tích nhưng Đỗ Văn Q từ chối đi giám định thương tích và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô đề của H - T và Quyền do chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện TC đã quyết định xử phạt hành chính.

Tại Cáo trạng số 205/CT-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC đã truy tố Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 và điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 và các điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Đỗ Văn Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Văn Nhất về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện TC, thành phố Hà Nội đã quyết định: Xử phạt Nguyễn Hồng Quân và Nguyễn Văn Nhất mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” nhưng đều cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng; xử phạt Đỗ Văn Q 30 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của Bản án số 67/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh là 54 tháng tù; xử phạt Nguyễn Thị T 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, 01 năm tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”, tổng hợp là 08 năm tù; xử phạt Nguyễn Văn H 07 năm 03 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, 01 năm 03 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”, tổng hợp là 08 năm 06 tháng tù; xử phạt Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H mỗi bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, 01 năm 06 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, tổng hợp là 09 năm tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn buộc Đỗ Văn Q phải bồi thường 50.000.000 đồng, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Bản án hình sự phúc thẩm số 677/2019/HS-PT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện TC về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H để điều tra lại. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, án phí đối với các bị cáo Đỗ Văn Q, Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Văn Nhất; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng có hiệu lực pháp luật.

Quá trình điều tra lại thể hiện: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/02/2017, anh Nguyễn Văn Mào, Phó trưởng công an xã AĐ đang ở nhà thì nghe phản ánh về việc xảy ra đánh nhau tại nhà vợ chồng T - H ở đội 5 thôn VT. Anh Mào mặc quần áo thường phục đi xe mô tô đến cửa nhà T - H thì thấy có nhiều người, có 01 nam thanh niên ngồi ở bàn bán nước sát cửa, bị chảy máu ở mồm. Anh Mào hỏi: *“Có chuyện gì xảy ra ở đây?”*, thì T đi ra nói: *“Tai nạn ngã xe, không có chuyện gì xảy ra anh ạ”*; anh Mào nói: *“Tai nạn ngã xe hay đánh nhau thì phải đưa người ta đi viện”*, đồng thời anh Mào gọi điện cho các Công an viên là Nguyễn Minh Chiến, Nguyễn Đức Thành và Vũ Hữu Tuyền đến nhà T - H. Khoảng 05 phút sau, khi các Công an viên trên đến nhà T - H thì anh Mào cùng các Công an viên yêu cầu vợ chồng T - H, các anh Q và T về Ủy ban nhân dân xã AĐ để giải quyết. Lúc này, T nói: *“Các anh cứ về đi, chúng em xin tự giải quyết”*; anh Mào nói: *“Nếu hai bên tự giải quyết nội bộ được thì chúng tôi đi về, không được xảy ra mất an ninh trật tự”*. Sau đó anh Mào và các Công an viên ra về. Các Công an viên xã AĐ khai không biết nội dung sự việc, không chứng kiến gia đình bị cáo H - T đánh, bắt anh Q trả tiền; không có việc T - H đến Công xã trình báo sự việc như các bị cáo đã khai. Đến khoảng 01 giờ 15 phút ngày 07/02/2017, Công an huyện TC đến nhà T - H kiểm tra và đưa Q, T về trụ sở làm việc. Sau đó, K đến Công xã gặp Công an viên Nguyễn Đức Thành và Nguyễn Minh Chiến nói: *“Gia đình cháu không giải quyết được, các chú vào xem tình hình thế nào”*; anh Thành nói: *“Công an huyện đã đến giải quyết rồi”* nên K đi về.

Về các tài liệu do luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm: Những người làm chứng khai do quan hệ làng xóm, nể nang và thiếu hiểu biết nên khi luật sư bào chữa cho các bị cáo đưa ra tài liệu thì họ không đọc

mà ký vào biên bản; họ khẳng định những nội dung đã khai tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSTT ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC đã truy tố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 và các điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123; các điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H: Mỗi bị cáo 01 năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; tổng hợp, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 (*Đối với Nguyễn Thị T*) của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T: Mỗi bị cáo 36 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, cho bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng án treo. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/5/2021 và ngày 01/6/2021, lần lượt các bị cáo Nguyễn Minh H và Nguyễn Quốc K kháng cáo đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/6/2021, các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, các bị cáo không phạm tội cướp tài sản, các bị cáo bị oan.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H khai nhận việc đánh, bắt giữ, yêu cầu anh Q trả tiền, viết giấy nhận nợ là để đòi lại khoản tiền đã bị chiếm đoạt chứ không cướp tài sản của anh. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T khai khi K, H đưa anh Q về nhà, do bức tức, các bị cáo có yêu cầu giữ người, mắng chửi, bắt trả tiền và viết giấy nhận nợ nhưng là để đòi lại khoản tiền đã bị chiếm đoạt chứ không cướp tài sản; tất cả các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331, 332, 333, 334; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình thức; về nội dung, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Quốc K và chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho Nguyễn Văn H được hưởng án treo; và giảm một phần hình phạt cho Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H, cụ thể:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 và điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17; Điều 38; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt: Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H mỗi bị cáo 01 năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; từ 04 đến 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; tổng hợp, buộc mỗi bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 05 đến 06 năm tù;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17; Điều 38; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T: Mỗi bị cáo 36 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm; giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các

bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] *Về nội dung:* Vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H mở quán bán hàng tạp hóa tại nhà ở đội 05, thôn VT, xã AĐ, huyện TC. Ngoài ra, T - H còn kết hợp tổ chức đánh bạc trái phép tại nhà dưới hình thức ghi số lô đề dựa trên kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc hàng ngày. Khoảng 17 giờ ngày 06/02/2017, Đỗ Văn Q ghi sẵn những số lô đề muốn chơi vào một tờ giấy (*Tích kê*) rồi mang đến đưa cho Nguyễn Văn H để mua số lô đề và trả số tiền 3.420.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc (*Khoảng 18 giờ 30 phút*), Đỗ Văn Q chỉ trúng 01 cặp lô xiên 2 và thắng 1.000.000 đồng; Q đã đến nói với H đưa lại tờ tích kê đã ghi các số lô đề Q mua trước đó để đối chiếu với kết quả xổ số. Lợi dụng lúc H không để ý, Q đã sửa lại các số đã ghi trước đó trong tờ tích kê thành bộ lô xiên 4 trúng thưởng với số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu H - T phải trả tiền. Sau khi kiểm tra và biết biết bố mẹ bị Đỗ Văn Q lừa thối số lô chiếm đoạt 50.000.000 đồng, anh em Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H đã điều khiển xe mô tô đi tìm. Khoảng 20 giờ ngày 06/02/2017, tại khu vực công làng VT, xã AĐ, huyện TC, Quốc K và Minh H phát hiện Q đi xe mô tô chở Hoàng Công T đi ngược chiều nên đã quay xe lại áp sát, Minh H ngồi sau đập đổ xe của Q. Tiếp đó, Minh H dùng ghế nhựa đánh và cùng với Quốc K dùng chân tay đâm đá, yêu cầu Q phải trả số tiền 50.000.000 đồng đã lấy của bố mẹ mình. Do Q không có tiền trả nên K và H, được sự trợ giúp của Nguyễn Hồng Quân và Nguyễn Văn Nhất đã trói tay Q và Công T đưa lên xe chở về nhà mình để giải quyết; gọi điện thông báo cho T - H biết với nội dung: “*Đã bắt được Quyền, bố mẹ về lấy tiền*”. Khi về nhà, thấy Q đã bị thương tích nhưng do bức tức, H bảo Quốc K và Minh H canh giữ không cho Q về; T - H dùng lời đe dọa, chửi bới, yêu cầu Q phải trả tiền; T đã lấy giấy bút đưa cho Q bắt viết giấy thừa nhận đã lừa đảo 50.000.000 đồng.

Căn cứ Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và các quy định của pháp luật hình sự thì hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Quốc K bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về đồng phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” với tình tiết tăng nặng định khung “*Đối với nhiều người*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “*Cướp tài sản*” với các tình tiết tăng nặng định khung “*Dùng hung khí nguy*

hiểm và Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (*Viết tắt là Bộ luật Hình sự năm 2017*); Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T bị kết án về đồng phạm tội “*Cướp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, pháp luật và không oan.

[3] *Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; hành vi đó chẳng những xâm phạm quyền tự do; xâm phạm và gây tổn thất về sức khỏe, tinh thần cho người khác mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nghiêm trọng tại địa phương; các hành vi phạm tội trên xuất phát từ việc làm vi phạm pháp luật của T - H (*Ghi lô đề trái phép*) nên việc áp dụng hình phạt tù nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết. Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn với vai trò chủ đạo là các bị cáo Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H; Quốc K và Minh H là những người thực hiện tội phạm tích cực và phải chịu trách nhiệm chính, với vai trò như nhau; các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H là những người đồng phạm giúp sức thứ yếu, có vai trò không đáng kể, hành vi hạn chế.

Về nhân thân, bị cáo Nguyễn Văn H đã từng bị kết án về tội “*Đánh bạc*” nhưng đã được xóa án tích từ nhiều năm nay; các bị cáo còn lại đều chưa có tiền án, tiền sự; trong thời gian điều tra, xét xử vụ án Nguyễn Quốc K và Nguyễn Minh H được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và bị Công an huyện TC bắt tạm giam.

Trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi nhưng nhận thức là không phạm tội nên Hội đồng xét xử đánh giá là các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do thiếu hiểu biết dẫn tới nhất thời phạm tội lần đầu; phạm tội do bị kích động từ hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra; trong vụ án này, bị hại có lỗi là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo và cũng đã bị kết án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, (*Ngày 12/11/2018 bị hại Q bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh kết án về hành vi phạm tội tương tự*); các bị cáo có bố (*cũng như là ông Nội*) là Nguyễn Công Tr là người có công, được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng

Nhì; các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế và gia đình khó khăn; là lao động chính; bị cáo H đã ra đầu thú; bị cáo K mới cưới vợ và đang có con nhỏ. Mặt khác, thời điểm xảy ra vụ việc tại nhà H - T, Công an xã AD, huyện TC cũng có mặt nhưng không thể hiện được trách nhiệm, vai trò, nhiệm vụ của mình; không giải quyết rõ ràng, dứt khoát để sự việc diễn biến kéo dài cho đến khi Công an huyện TC phải can thiệp.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; vai trò; thái độ; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên của các bị cáo; và xét trong vụ án này cả gia đình các bị cáo có 4 người (*Gồm bố, mẹ và 02 con*) đều bị truy tố, xét xử nên cần xem xét cá thể hóa hình phạt; áp dụng chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự để giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo và không cần thiết buộc bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hại cho xã hội nên Hội đồng xét xử cho Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là thỏa đáng.

Bị cáo Quốc K và Minh H phạm 02 tội nên cần tổng hợp, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về án phí phúc thẩm*: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

1.1) Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 và các điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Nay là các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ*

luật Hình sự năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 17; Điều 38; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt: Nguyễn Quốc K **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; **05 (Năm)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”; tổng hợp, buộc Nguyễn Quốc K phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **06 (Sáu)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

1.2) Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 và các điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Nay là các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2017*); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 17; Điều 38; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt: Nguyễn Minh H **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; **05 (Năm)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”; tổng hợp, buộc Nguyễn Minh H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **06 (Sáu)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

1.3) Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Nay là điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2017*); Điều 17; Điều 38; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn H **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05 (Năm)** năm tính từ ngày 18/10/2021.

1.4) Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Nay là điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2017*); Điều 17; Điều 38; các điểm e, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2017, xử phạt Nguyễn Thị T **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05 (Năm)** năm tính từ ngày 24/5/2021.

1.5) Giao các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã AD, huyện TC, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, Nguyễn Thị T và Nguyễn

Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

1.6) Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Minh H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Trung tâm Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- TAND huyện TC, Hà Nội;
- VKSND huyện TC, Hà Nội;
- THADS huyện TC, Hà Nội;
- Công an huyện TC, Hà Nội;
- UBND xã AĐ, huyện TC, Hà Nội;
- Bị cáo (Các bị cáo);
- Bị hại;
- Người có liên quan đến kháng cáo;
- Lưu HS, VT.

Trần Nam Hà